Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8536.70.20

Mã HS	8536.70.20
Mô tả hàng hóa	Thiết bị điện để đóng ngắt mạch hoặc bảo vệ mạch điện, hoặc dùng để đấu nối hoặc lắp trong mạch điện (ví dụ, cầu dao, rơ le, công tắc, chi tiết đóng ngắt mạch, cầu chì, bộ triệt xung điện, phích cắm, ổ cắm, đui đèn và các đầu nối khác, hộp đấu nối), dùng cho điện áp không quá 1.000V; đầu nối dùng cho sợi quang, bó sợi quang hoặc cáp quang / - Đầu nối dùng cho sợi quang, bó sợi quang hoặc cáp quang: / - - Bằng đồng
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 14:24:32
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85367020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15843
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15843
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15843
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-KH, ID, MM, PH)	0% (trừ KH, ID, MM, PH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH, ID, LA, MM, PH)	0% (trừ KH, ID, LA, MM, PH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.5	3,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15179
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15111
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15111
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15111
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15111
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15111
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15111
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15165
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15165
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15165
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15165

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15165
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15165
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15166
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15166
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15166
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15166
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15166
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15166
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15169
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15117
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15125
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15125
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15125
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15125
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15125
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15125
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15165
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15165
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15165
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15165
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15165
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15165
VCFTA	2022	2022	5	VC!D15220
VCFTA	2023	2023	5	VC!E15220
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15220
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15220

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15220
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15220
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D15199
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E15199
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F15199
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G15199
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H15199
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I15199
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15197
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15197
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15197
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15197
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15197
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15197
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D15203
EVFTA	2023	2023	1,6	EV-NK!E15203
EVFTA	2024	2024	0,8	EV-NK!F15203
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15203
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15203
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15203
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D15202
UKVFTA	2023	2023	1,6	UKV!E15202
UKVFTA	2024	2024	0,8	UKV!F15202
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15202
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15202
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15202

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15195
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15195
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15195
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15195
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15195
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15195
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15195
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15190
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15190
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15190
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15190
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15190
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15190
RCEP B	2022	2022	0	B!D15190
RCEP B	2023	2023	0	B!E15190
RCEP B	2024	2024	0	B!F15190
RCEP B	2025	2025	0	B!G15190
RCEP B	2026	2026	0	B!H15190
RCEP B	2027	2027	0	B!I15190
RCEP C	2022	2022	0	C!D15190
RCEP C	2023	2023	0	C!E15190
RCEP C	2024	2024	0	C!F15190
RCEP C	2025	2025	0	C!G15190
RCEP C	2026	2026	0	C!H15190
RCEP C	2027	2027	0	C!I15190
RCEP D	2022	2022	0	D!D15189

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E15189
RCEP D	2024	2024	0	D!F15189
RCEP D	2025	2025	0	D!G15189
RCEP D	2026	2026	0	D!H15189
RCEP D	2027	2027	0	D!I15189
RCEP E	2022	2022	0	E!D15193
RCEP E	2023	2023	0	E!E15193
RCEP E	2024	2024	0	E!F15193
RCEP E	2025	2025	0	E!G15193
RCEP E	2026	2026	0	E!H15193
RCEP E	2027	2027	0	E!I15193
RCEP F	2022	2022	0	F!D15190
RCEP F	2023	2023	0	F!E15190
RCEP F	2024	2024	0	F!F15190
RCEP F	2025	2025	0	F!G15190
RCEP F	2026	2026	0	F!H15190
RCEP F	2027	2027	0	F!I15190
VIFTA	2024	2024	4.5	VI!F14157
VIFTA	2025	2025	4	VI!G14157
VIFTA	2026	2026	3.5	VI!H14157
VIFTA	2027	2027	3	VI!I14157

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8536.70 có 3 dòng thuế; dòng 8536.70.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Bằng đồng.	8536.70.10 Bằng gốm; 8536.70.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8536.70.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 8536.70.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15843), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.